TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2025/DS-ST
Ngày: 19 -6- 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nữ;
2. Ông Nguyễn Minh Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu ột, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2025/QĐXXST – DS ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N1 (VCB); địa chỉ trụ sở chính: Số A, T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Hữu T, sinh năm 1981; ông Phạm Nhật P, sinh năm 1981; ông Mai Thanh H, sinh năm 1991; bà Bùi Thị Kim N, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Số A - A, Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền số 45/UQ-BDU-HCNS ngày 09/9/2024).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1962; địa chỉ: Số I, Tổ A, Khu C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng TMCP N1 (V)- Chi nhánh B và ông Nguyễn Văn H1 ký kết hợp đồng tín dụng kiêm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng hợp đồng cho vay số 088D16/CN/CNV ngày 28/03/2016. Theo đó đến hết ngày 17/6/2025, ông Nguyễn Văn H1 còn nợ số tiền 78.534.782đồng (Bảy mươi tám triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm tám mươi hai đồng). Trong đó, nợ gốc 33.452.880 đồng, nợ lãi 31.679191 đồng. Lãi phạt do quá hạn 13.402.711đồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N1 (VCB) tổng số tiền đến ngày 17/6/2025 là 78.534.782đồng (Bảy mươi tám triệu, năm trăm ba mươi bốn ngàn, bảy trăm tám mươi hai đồng chân). Trong đó, nợ gốc 33.452.880 đồng, nợ lãi 31.679191 đồng. Lãi phạt do quá hạn 13.402.711đồng.

Yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn H1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 18/6/2025 cho đến ngày thực tế Nguyễn Văn H1 trả hết nợ cho VCB theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 088D16/CN/CNV ngày 28/3/2016.

Trong trường hợp ôngVăn H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng V thông qua Ngân hàng V Chi nhánh B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ôngNguyễn Văn Hoàng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật

* Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng thông báo thụ lý vụ án, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Văn H1 không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng TMCP N1 (V)- Chi nhánh B và ông Nguyễn Văn H1 ký kết hợp đồng Thẻ tín dụng số 088D16/CN/CNV ngày 28/3/2016. Như vậy, quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Văn H1 đều vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xét xử vắng mặt của đương sự theo quy định tại các Điều 227 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngân hàng TMCP N1 và và ông Nguyễn Văn H1 ký kết hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng. Theo đó đến hết ngày 17/6/2025 ông Nguyễn Văn H1 còn nợ 78.534.782đồng (Bảy mươi tám triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm tám mươi hai đồng). Trong đó, nợ gốc 33.452.880 đồng, nợ lãi 31.679191 đồng. Lãi phạt do quá hạn 13.402.711đồng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

[2.2] Xét Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) được ký kết

giữa Ngân hàng TMCP N1 và và ông Nguyễn Văn H1 hợp đồng cho vay số 088D16/CN/CNV ngày 28/3/2016 thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên ông Nguyễn Văn H1 đã nhận đầy đủ số tiền vay. Trong quá trình vay, ông Nguyễn Văn H1 đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng TMCP N1 theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký kết, như vậy ông Nguyễn Văn H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận, hiện ông Nguyễn Văn H1 còn nợ Ngân hàng TMCP N1 với số tiền nợ tính đến ngày 17/6/2025 ông Nguyễn Văn H1 còn nợ số tiền là 78.534.782đồng (Bảy mươi tám triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm tám mươi hai đồng). Trong đó, nợ gốc 33.452.880 đồng, nợ lãi 31.679191 đồng. Lãi phạt do quá hạn 13.402.711đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H1 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn: Theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) được ký kết số 088D16/CN/CNV ngày 28/3/2016 các bên đã thỏa thuận lãi suất vay được ghi nhận tại hợp đồng tín dụng. Xét thấy, việc thỏa thuận thanh toán tiền lãi của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Do đó, yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn (theo bảng kê chi tiết của Ngân hàng) đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H1 đến ngày 17/6/2025 ông Nguyễn Văn H1 còn nợ số tiền là 78.534.782đồng (Bảy mươi tám triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm tám mươi hai đồng). Trong đó, nợ gốc 33.452.880 đồng, nợ lãi 31.679191 đồng. Lãi phạt do quá hạn 13.402.711đồng đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 trong quá trình tố tụng giải quyết Tòa án ban hành thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn Văn H1 không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy thể hiện bị đơn ông Nguyễn Văn H1 vắng mặt không có lý do chính đáng là đã tự từ bỏ quyền tố tụng và nghĩa vụ chứng minh của mình và phải chịu hậu quả pháp lý từ việc này. Do đó hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và do Tòa án thu thập.

[4] Từ những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N1 buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N1 đến ngày 17/6/2025 ông Nguyễn Văn H1 còn nợ số tiền là 78.534.782đồng (Bảy mươi tám triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm tám mươi hai đồng). Trong đó, nợ gốc 33.452.880 đồng, nợ lãi 31.679191 đồng. Lãi phạt do quá hạn 13.402.711đồng. Ngoài ra, ông Nguyễn Văn H1 còn phải trả cho ngân hàng tiền lãi quá hạn, lãi phạt được tính theo số 088D16/CN/CNV ngày 28/3/2016 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm theo quy định đại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 317, 318,335, 336, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N1 đối với ông Nguyễn Văn H1 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn H1 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N1 đến ngày 17/6/2025 số tiền là 78.534.782đồng (Bảy mươi tám triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm tám mươi hai đồng). Trong đó, nợ gốc 33.452.880 đồng, nợ lãi 31.679191 đồng. Lãi phạt do quá hạn 13.402.711đồng.

1.2. Kể từ ngày 18/6/2025 ông Nguyễn Văn H1 còn phải trả cho ngân hàng tiền lãi quá hạn, lãi phạt được tính theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 088D16/CN/CNV ngày 28/3/2016 đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Trong trường hợp ôngVăn H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng TMCP N1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ôngNguyễn Văn Hoàng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật về thi hành án Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn H1 được miễn án phí sơ thẩm.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền 1.889.000đồng tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số 0009024 ngày 16/01/2025.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong